

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST

Ngày 26 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thọ

Ông Đỗ Trọng Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phụng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2019;

Đối với các bị cáo:

1. Trịnh Đình T, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1986 tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 1 Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình V và bà Nguyễn Thị H; vợ: Tạ Thị M, sinh năm 1990, có 04 con; tiền sự: không; tiền án: Bị bắt tạm giam ngày 23/01/2019; Có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1988 tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 2 Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lữ Thị Th; vợ, con: chưa có; tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 18/9/2018 bị Công an huyện T, Thanh Hóa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “ Trộm cắp tài sản”

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/11/2018; Có mặt.

- *Người có liên quan:* Anh Lê Hồng S, nơi cư trú: thôn 13, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn T, nơi cư trú: thôn 3, xã Thọ D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. anh Lê Văn T, nơi cư trú: thôn 1 Y, xã T, huyện T, Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. anh Lê Hữu C, nơi cư trú: thôn 1 Y, xã T, huyện T, Thanh Hóa. Vắng mặt.

4. ông Trịnh Đình V, nơi cư trú: thôn 1 Y, xã T, huyện T, Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 14/11/2018, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện T phối hợp với Công an xã T đang làm nhiệm vụ tại thôn 1, Y thì phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T ở thôn 2 Yên L, xã T đang có hành vi bán trái phép ma túy cho Lê Hồng S ở thôn 13 (S đi cùng với Nguyễn Văn T ở cùng thôn). Tổ công tác tiến hành kiểm tra và thu giữ trong túi quần Lê Hồng S đang mặc 02 gói nhỏ bằng giấy có dòng chữ nước ngoài, bên trong là lớp ni lông màu đen chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn, (được niêm phong trong phong bì ký hiệu M), Sơn thừa nhận số ma túy trên vừa mua của Nguyễn Văn T với giá 200.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Goly G207 màu đen có gắn thẻ sim 0394094800. Tiến hành kiểm tra và thu giữ trong người T 01 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000đ là tiền vừa bán ma túy, 01 xe máy nhãn hiệu Wave S biển kiểm soát 36D1 – 160.83, 01 điện thoại di động Nokia màu đen có gắn thẻ sim 0393088401. Nguyễn Văn T khai báo: Khoảng 09 giờ cùng ngày, T đến nhà Trịnh Đình T ở thôn 1 Y, xã T chơi. Đến khoảng gần 12 giờ thì có Lê Hồng S gọi điện cho T để hỏi mua ma túy với số lượng 02 gói nhỏ. T đồng ý bán và nói với T cầm hai gói hàng (hêrôin) ra cây xăng xã T bán với giá 200.000đ. Sơn cầm 02 gói hêrôin T đưa rồi đi xe máy nhãn hiệu Wave S biển kiểm soát 36D1 – 16083 đến điểm hẹn. Khi T vừa bán ma túy lấy 200.000đ thì bị bắt quả tang.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở của Trịnh Đình T, T đã bỏ chạy và ném ra 02 gói nhỏ bằng ni lông màu đen, bên trong là lớp giấy màu trắng có dòng kẻ chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn; Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ và niêm phong trong phong bì ký hiệu M1; Thu giữ của T 01 điện thoại nhãn hiệu Philip màu xanh có gắn thẻ sim 0329349298. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với số vật chứng thu được. Tại bản kết luận giám định số

2365/MT-PC09 ngày 18/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,015g, loại Heroin.

- Chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,509g, loại Heroin.

Quá trình điều tra Trịnh Đình T khai báo việc T đưa ma túy cho Nguyễn Văn T để T bán cho Lê Hồng S phù hợp với lời khai của T, S và Nguyễn Văn T như diễn biến đã nêu trên. Nguồn gốc của toàn bộ số ma túy thu được là do Trịnh Đình T mua của một người thanh niên không rõ tên tuổi và địa chỉ ở khu vực cây xăng thị trấn N vào trưa ngày 14/11/2018 với giá 400.000đ nhằm mục đích để sử dụng và nếu có con nghiện hỏi mua thì bán để kiếm lời. Chiếc xe máy Wave S biển kiểm soát 36D1 – 160.83 được xác định thuộc quyền sở hữu của ông Trịnh Đình V là bố đẻ của Trịnh Đình T. Ông không biết việc T đưa cho T đi bán ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án gồm: toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì dán kín do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Goly G207 màu đen có gắn thẻ sim 0394094800; 01 điện thoại di động Nokia màu đen có gắn thẻ sim 0393088401; 01 điện thoại nhãn hiệu Philip màu xanh có gắn thẻ sim 0329349298 và 200.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã được quản lý và nhập kho vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSTX ngày 30/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trịnh Đình T và bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trịnh Đình T và Nguyễn Văn T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Bị cáo Trịnh Đình T khai: Việc T đưa ma túy cho Nguyễn Văn T để T bán cho Lê Hồng S là phù hợp với lời khai của T, S và Nguyễn Văn T. Số ma túy bị cáo bị bắt giữ là heroine. Nguồn gốc của toàn bộ số ma túy thu được là do Trịnh Đình T mua của một người thanh niên không rõ tên tuổi và địa chỉ ở khu vực cây xăng thị trấn N vào trưa ngày 14/11/2018 với giá 400.000đ nhằm mục đích để sử dụng và nếu có con nghiện hỏi mua thì bán kiếm lời.

Bị cáo Nguyễn Văn T khai: Vào khoảng 09 giờ ngày 14/11/2018 T đến nhà Trịnh Đình T ở thôn 1Y, xã T chơi. Đến khoảng gần 12 giờ thì có Lê Hồng S gọi điện cho T để hỏi mua ma túy với số lượng 02 gói nhỏ. T đồng ý bán và nói với T cầm 02 gói He roin ra cây xăng xã T bán cho S với giá 200.000đ. T cầm 02 gói He roin T đưa rồi đi xe máy nhãn hiệu WaWe S đến điểm hẹn. Khi T vừa bán ma túy cho Lê Hồng S lấy 2 trăm nghìn đồng thì bị bắt quả tang.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Đình T và bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Mua bán trái phép ma túy”. Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trịnh Đình T từ 27 tháng (Hai mươi bảy) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù.

Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 17 Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24(Hai mươi tư) tháng đến 27(Hai mươi bảy) tháng tù. Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T và T.

Về vật chứng: đề nghị xử lý về vật chứng.

Về án phí: buộc các bị cáo T và T phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/11/2018, Nguyễn Văn T đã có hành vi bán 0,015g Hê rô in cho Lê Hồng S thì bị bắt quả tang. Số ma túy này là do Trịnh Đình T nhờ T bán hộ; Ngoài ra T còn có hành vi cất giữ 0,509g Hê rô in với mục đích để sử dụng và nếu có con nghiện hỏi mua thì bán kiếm lời. Hành vi đó của các bị can là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Do đó các bị can phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội đã gây ra.

Hành vi của các bị cáo Trịnh Đình T và Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Tính chất vụ án là

ng nghiêm trọng; Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân. Ma túy không những làm hủy hoại đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập... ; mà còn là điều kiện nảy sinh, lan truyền đại dịch HIV/AIDS (một hiểm họa toàn cầu chưa có thuốc chữa). Tội phạm về ma túy là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác, đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và an ninh trật tự. Vì vậy cần phải xử lý vụ án nghiêm minh mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Trịnh Đình T và bị cáo Nguyễn Văn T đều là người phạm tội lần đầu nhưng T là đối tượng đã bị xử phạt vi phạm hành chính nên cần thiết phải xử phạt các bị cáo bằng hình phạt nghiêm minh, bắt cách ly khỏi xã hội một thời gian, mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trịnh Đình T và Nguyễn Văn T, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo T và T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo. Ngoài ra xét bị cáo Trung có Bồ đề là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì và là thương binh; nên cho bị cáo Trung được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: cần thiết phải xử phạt các bị cáo Trịnh Đình T và Nguyễn Văn T bằng hình phạt tù như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo T và T đều nghiện ma túy, không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng vụ án:

Toàn bộ bao gói mở niêm phong (mẫu vật còn lại sau giám định của hai phong bì ký hiệu M và M1) là vật cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy; Số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo T là tiền do phạm tội mà có, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Tịch thu sung công 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen gắn thẻ sim số 0393088401 có liên quan đến vụ án. Trả lại cho Lê Hồng S chiếc điện thoại Goly G207. Trả lại cho Trịnh Đình T 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Philip màu xanh có gắn thẻ sim 0329 349 298. Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[9] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Quá trình điều tra, bị cáo T khai nguồn gốc số ma túy bị bắt giữ T mua của một người nam thanh niên không quen biết ở khu vực cây xăng thị trấn Ngọc Lặc, với giá 400.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ của người bán ma túy cho T, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wawe S biển kiểm soát 36D1-16083. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông Trịnh Đình V là Bố đẻ của Trịnh Đình T; ông không biết việc T đưa cho T sử dụng làm phương tiện để đi bán ma túy, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông V là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo Trịnh Đình T và Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 đối với các bị cáo; Áp dụng khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Đình Trung.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 47; điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Đình T và bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

- Xử phạt bị cáo Trịnh Đình T 30(ba mươi) tháng tù; Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (từ ngày 23/01/2019).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24.(Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/11/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ gói niêm phong (là mẫu vật còn lại sau giám định của hai phong bì ký hiệu M và M1); Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng. Tịch thu sung công 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen gắn thẻ sim 0393088401. Trả lại cho Lê Hồng S chiếc điện thoại Goly G207. Trả lại cho Trịnh Đình Trung 01 chiếc điện thoại Phi Lip màu xanh có gắn thẻ sim 0329 349 298. Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo Biên bản giao nhận vật chứng số 21 ngày 22/02/2019,

3. Về án phí: Các bị cáo Trịnh Đình T và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trịnh Đình T và Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hiền